

Số: **8776** /KH-UBND

Vinh Phúc, ngày **05** tháng **11** năm 2018

KẾ HOẠCH

Triển khai Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Vinh Phúc phiên bản 1.0, giai đoạn 2018 - 2020

Căn cứ Nghị quyết số 36a/NQ-CP ngày 14/10/2015 của Chính phủ về Chính phủ điện tử;

Căn cứ Quyết định số 1819/QĐ-TTg ngày 26/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 1565/QĐ-UBND ngày 26/5/2017 của UBND tỉnh Vinh Phúc ban hành Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Vinh Phúc, phiên bản 1.0;

Căn cứ Văn bản số 1665/VPCP-KSTT ngày 13/02/2018 của Văn phòng Chính phủ về việc liên kết, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin một cửa điện tử;

Căn cứ Văn bản số 1064/BTTTT-THH ngày 12/4/2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông (TT&TT) về việc đôn đốc xây dựng, tổ chức triển khai Kiến trúc Chính phủ điện tử tại các bộ, ngành, địa phương;

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Vinh Phúc, phiên bản 1.0 (sau đây gọi tắt là Kiến trúc CQĐT tỉnh), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Xác định những nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để triển khai xây dựng CQĐT tỉnh trên cơ sở tuân thủ những mục tiêu, định hướng, nguyên tắc, mô hình tại Kiến trúc CQĐT tỉnh.

b) Tập trung chỉ đạo, bố trí nguồn lực, phát huy vai trò trách nhiệm và tăng cường sự phối hợp chặt chẽ của các ngành, các cấp để triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, phân đấu đến năm 2020, tỉnh Vinh Phúc cơ bản hoàn thành giai đoạn 1 xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh; là căn cứ để các cơ quan chuyên môn, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch triển khai và chỉ đạo, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kiến trúc CQĐT tỉnh.

c) Từng bước xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Vinh Phúc; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ quan Nhà nước; công khai, minh bạch hoạt động của các cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng; nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

d) Tăng cường khả năng kết nối liên thông, tích hợp, chia sẻ, sử dụng lại thông tin, cơ sở dữ liệu (CSDL) các sở, bộ, ngành nhằm tạo thuận lợi trong việc giải quyết mau chóng các thủ tục hành chính công cho các tổ chức, doanh nghiệp và người dân bất kể trong hay ngoài giờ làm việc với mục tiêu chuyển từ Chính quyền quản lý sang chính quyền phục vụ;

đ) Tăng cường khả năng giám sát, đánh giá đầu tư; đảm bảo triển khai ứng dụng CNTT đồng bộ, hạn chế trùng lặp, tiết kiệm chi phí, thời gian triển khai của CQĐT tại tỉnh Vĩnh Phúc;

e) Nâng cao tính linh hoạt khi xây dựng, triển khai các thành phần, hệ thống thông tin theo điều kiện thực tế của tỉnh;

g) Đề xuất danh mục các chương trình/nhiệm vụ cần triển khai để hoàn thành hệ thống CQĐT tỉnh Vĩnh Phúc vào năm 2020 (gồm nền tảng CQĐT, các ứng dụng & CSDL, hạ tầng CNTT, đào tạo) và lộ trình triển khai các dự án này.

2. Yêu cầu

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ, chỉ đạo quán triệt sâu sắc các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đẩy mạnh phát triển CQĐT tỉnh Vĩnh Phúc và xây dựng kế hoạch ứng dụng CNTT hàng năm phù hợp với cơ quan, địa phương mình nhằm tổ chức thực hiện bảo đảm các mục tiêu tại Kiến trúc CQĐT tỉnh.

II. ĐỊNH HƯỚNG, NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG CQĐT TỈNH

1. Định hướng kỹ thuật Kiến trúc CQĐT tỉnh

Khi xây dựng, phát triển CQĐT tỉnh phải tuân thủ các định hướng sau:

a) Tính tương tác, liên thông: cho phép việc trao đổi thông tin, tái sử dụng các mô hình dữ liệu, và thay thế lẫn nhau của dữ liệu trên hệ thống.

b) Tính tiêu chuẩn mở: Cung cấp sự tương tác, liên thông, duy trì dữ liệu, và tự do hơn trong việc lựa chọn công nghệ và nhà cung cấp. Việc sử dụng tiêu chuẩn mở sẽ tạo điều kiện dễ dàng hơn trong việc lưu trữ hồ sơ, dữ liệu.

c) Tính linh hoạt: Tạo điều kiện áp dụng công nghệ mới và cho phép quản lý bất kỳ sự thay đổi trong quá trình phát triển và quản trị hệ thống.

d) Tính cộng tác/hợp tác: Cung cấp một nền tảng cho phép các sở/ban/ngành của tỉnh sử dụng và chia sẻ thông tin, dữ liệu chung.

đ) Tính công nghệ: Đảm bảo các công nghệ được ứng dụng là mới, và dễ dàng giao tiếp với các hệ thống khác của Sở, Ban, Ngành trong tỉnh, Bộ và Quốc gia.

Kiến trúc CQĐT tỉnh bảo đảm sự liên tục và liền mạch của thông tin, cải thiện sự gắn kết của các hệ thống thông tin của tỉnh, và hỗ trợ dễ dàng tích hợp với các hệ thống ứng dụng của Chính phủ/Bộ, Tỉnh.

2. Các nguyên tắc xây dựng CQĐT tỉnh

Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Vĩnh Phúc được thiết kế dựa trên các nguyên tắc sau:

- (1) Phù hợp với Khung Kiến trúc CPĐT Việt Nam và các văn bản hướng dẫn liên quan;
- (2) Phù hợp với định hướng, mục tiêu triển khai ứng dụng CNTT của quốc gia, tỉnh;
- (3) Phù hợp với chiến lược, mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;
- (4) Các ứng dụng CNTT cần được xây dựng hướng đến dùng chung, có tính sử dụng cao, chung một nền tảng tích hợp;
- (5) Phù hợp với quy trình nghiệp vụ, thúc đẩy tái cấu trúc nghiệp vụ, hướng đến đơn giản hóa, hiệu quả, thống nhất và tường minh quy trình nghiệp vụ;
- (6) Quản lý thông tin theo hướng tập trung, thống nhất, được liên thông, chia sẻ tối đa;
- (7) Triển khai ứng dụng CNTT có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên triển khai trước các dịch vụ công có tính đơn giản, mức độ sử dụng cao;
- (8) Không triển khai các nội dung trùng lặp với các HTTT/CSDLQG, các HTTT chuyên ngành mà cần kết nối, chia sẻ, sử dụng lại;
- (9) Bảo đảm sự kết nối, liên thông giữa các HTTT/CSDL trong và ngoài tỉnh và các cơ quan liên quan khác;
- (10) Các giải pháp bảo mật, an toàn, an ninh thông tin được triển khai ở mọi thành phần trong Kiến trúc theo nhu cầu và lộ trình phù hợp;
- (11) Xem xét, áp dụng hiệu quả các công nghệ mới để triển khai các thành phần Kiến trúc;
- (12) Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật về ứng dụng CNTT của quốc gia, chuyên ngành.

III. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI

1. Kế hoạch tổng thể

a) Tuyên truyền, phổ biến nội dung Kiến trúc CQĐT sâu, rộng trong các cơ quan, đơn vị và nhân dân.

b) Xây dựng và hoàn chỉnh chính sách, môi trường phát triển hỗ trợ triển khai kiến trúc CQĐT.

c) Từng bước hoàn thiện hạ tầng CNTT tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh, triển khai mạng truyền thông (mạng trực diện rộng, mạng LAN) theo hướng kết nối, tập trung bảo đảm triển khai các ứng dụng xây dựng Chính quyền điện tử.

d) Xây dựng nền tảng chia sẻ tích hợp cấp tỉnh (LGSP), triển khai kết nối, tích hợp, chia sẻ với trực tích hợp quốc gia (NGSP), các cơ sở dữ liệu quốc gia và các hệ thống ứng dụng của tỉnh.

đ) Phối hợp triển khai, khai thác các cơ sở dữ liệu quốc gia cần ưu tiên triển khai tạo nền tảng phát triển Chính phủ điện tử trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 714/QĐ-TTg ngày 22/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ, bao gồm: CSDL quốc gia về Dân cư do Bộ Công an làm cơ quan chủ quản; CSDL Đất đai quốc gia do Bộ Tài nguyên và Môi trường làm cơ quan chủ quản; CSDL quốc gia về Đăng ký doanh nghiệp; CSDL quốc gia về Thống kê tổng hợp về Dân số do Bộ Kế hoạch và Đầu tư làm cơ quan chủ quản; CSDL quốc gia về Tài chính do Bộ Tài chính làm cơ quan chủ quản; CSDL quốc gia về Bảo hiểm do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam làm cơ quan chủ quản.

e) Xây dựng, triển khai có lộ trình mô hình tổng thể phát triển CQĐT tại các ngành (Phát triển ứng dụng nội bộ, hỗ trợ nghiệp vụ và CSDL) bảo đảm tuân thủ Kiến trúc CQĐT tỉnh, Khung Kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, phiên bản 1.0.

g) Xây dựng, hoàn thiện Trung tâm hỗ trợ dịch vụ (Call Center), các hệ thống hỗ trợ truy nhập của người dân vào hệ thống dịch vụ của cơ quan chính quyền của tỉnh

h) Xây dựng, hoàn thiện các dịch vụ cho công dân, doanh nghiệp, Ứng dụng luồng dịch vụ nghiệp vụ

i) Phát triển các hệ thống, ứng dụng, nền tảng hỗ trợ, hệ thống hỗ trợ ra quyết định (BI).

2. Kế hoạch cụ thể

Danh mục các nhiệm vụ kèm theo tiến độ thực hiện cụ thể như sau:

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
A	Ứng dụng dịch vụ		
I	Dịch vụ cho công dân, doanh nghiệp		
1	Công công dân	Công an tỉnh	Từ 2018
2	Công giao dịch TMĐT	Sở Công thương	Từ 2018
3	Công Thông tin - Giao tiếp điện tử (TT-GTĐT)	Sở TT&TT và các cơ quan đơn vị	Từ 2019
4	Thanh toán điện tử	Sở TT&TT	Đang triển khai từ 2017, tiếp tục triển khai 2018-2020
5	Hệ thống Đăng nhập 01 lần (SSO)	Sở TT&TT	Từ 2018
II	Ứng dụng nghiệp vụ		
1	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Sở Công Thương	Sở Công thương	Từ năm 2018
2	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Sở Giao thông vận tải	Sở Giao thông vận tải	Từ năm 2018
3	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Sở GD&ĐT	Sở Giáo dục và Đào tạo	Từ năm 2018
4	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Từ năm 2018

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
5	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Sở Kế hoạch và Đầu tư	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Từ năm 2018
6	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	Từ năm 2018
7	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Sở Ngoại vụ	Sở Ngoại vụ	Từ năm 2018
8	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Sở Nội Vụ	Sở Nội Vụ	Từ năm 2018
9	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Nông nghiệp và PTNT	Từ năm 2018
10	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Sở Tài Chính	Sở Tài Chính	Từ năm 2018
11	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Từ năm 2018
12	Dữ liệu môi trường	Sở Tài nguyên và Môi trường	Từ năm 2018
13	Cơ sở dữ liệu đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Từ năm 2019
14	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Sở Thông tin và Truyền thông	Sở Thông tin và Truyền thông	Từ năm 2018
15	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Sở Tư Pháp	Sở Tư Pháp	Từ năm 2018
16	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Từ năm 2018
17	Ứng dụng nghiệp vụ quản lý di sản	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Từ năm 2019
18	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Sở Xây dựng	Sở Xây dựng	Từ năm 2018
19	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Sở Y Tế	Sở Y Tế	Từ năm 2018
20	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Văn phòng UBND tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Từ năm 2018
21	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Ban Dân tộc	Ban Dân tộc	Từ năm 2018
22	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ Ban Quản lý các KCN	Ban Quản lý các KCN	Từ năm 2018
23	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ UBND Cấp Huyện/thành phố	Các Sở ngành có liên quan	Từ năm 2018
24	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ UBND Cấp Xã/Phường/Thị trấn	Các Sở ngành có liên quan	Từ năm 2018
25	Ứng dụng nghiệp vụ phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc	Văn phòng HĐND tỉnh	Từ năm 2019
B	Ứng dụng hỗ trợ nghiệp vụ		
I	Ứng dụng cấp tỉnh		
1	Hệ thống một cửa điện tử, Dịch vụ công trực tuyến	Sở Nội vụ	Đã triển khai từ năm 2015, tiếp tục triển khai diện rộng từ 2018
2	Quản lý văn bản điều hành	Sở TT&TT	Đã triển khai từ năm 2013, tiếp tục triển khai nâng cấp hoàn chỉnh từ 2019
3	Quản lý công việc	Sở TT&TT	Từ 2018

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
4	Chữ ký số	Sở TT&TT	Đã triển khai từ năm 2016, tiếp tục triển khai
5	Danh mục dữ liệu Môi trường	Sở Tài nguyên môi trường	Từ năm 2018
6	Danh mục dữ liệu Hộ chiếu người nước ngoài	Sở Ngoại Vụ	Từ năm 2018
7	Danh mục dữ liệu Sơ yếu lý lịch	Sở Nội Vụ	Từ năm 2018
8	Danh mục dữ liệu Khai sinh	Sở Tư pháp	Từ năm 2018
9	Danh mục dữ liệu Cán bộ, công chức, viên chức	Sở Nội Vụ	Từ năm 2018
10	CSDL Danh mục & mã	Sở TT&TT	Từ năm 2018
II	Ứng dụng tích hợp với CSDL Quốc gia		
1	CSDL Dân Cư	Công An tỉnh	Từ năm 2018
2	CSDL Đất Đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	Từ năm 2018
3	CSDL Đăng Ký Kinh Doanh	Sở Kế hoạch và Đầu tư	Từ năm 2018
4	CSDL Tài Chính	Sở Tài chính	Từ năm 2018
5	CSDL Bảo Hiểm	Bảo hiểm xã hội tỉnh	Từ năm 2018
C	Tích hợp ứng dụng, dịch vụ (LGSP)	Sở TT&TT	2018-2020
I	Nền tảng tích hợp quy trình (BPM)		
1	Quản lý & theo dõi quy trình nghiệp vụ (BAM)		
2	Quản lý luồng công việc (BPM)		
II	Nền tảng Quản lý và tích hợp dịch vụ		
1	Trực tích hợp - Kiến trúc hướng dịch vụ SOA		
2	Tích hợp (Adapters)		
III	Tích hợp dữ liệu		
1	Khả năng tương tác dữ liệu (Adapter)		
2	Xử lý dữ liệu hàng loạt (Batch Process)		
3	Trích xuất, chuyển đổi (ETL)		
IV	Tích hợp hệ thống ngoài		
1	Cổng thanh toán ngân hàng		
2	Hệ thống chữ ký số		
3	Hệ thống thông tin của Chính phủ/Bộ		
4	Trực tích hợp quốc gia (NGSP)		
D	Hệ thống, Ứng dụng, Nền tảng hỗ trợ	Sở TT&TT	
I	Quản lý thông tin		
1	Hệ thống nền tảng quản lý nội dung - Portal		Từ 2018
2	Hệ thống nền tảng quản lý và tích hợp văn bản - DMS		Từ 2018
II	Hợp tác & Trao đổi		
1	Hội nghị truyền hình trực tuyến		Từ 2018
2	Thư điện tử		
III	Quản lý bảo mật (ứng dụng)		
1	Quản Lý Tài Khoản		
2	Xác thực và cấp quyền		
3	Danh Mục Thư Mục		

STT	Nội dung nhiệm vụ	Đơn vị chủ trì	Thời gian thực hiện
IV	Quản lý hệ thống & Mạng		Từ 2018
1	Theo dõi vận đề		
2	Tài nguyên hệ thống		
3	Quản lý và theo dõi tài nguyên Mạng		
E	Hệ thống hỗ trợ ra quyết định (BI) & DW	Sở TT&TT	
I	Phân tích BI		
1	Dự báo nhu cầu		
2	Hỗ trợ ra quyết định, và lập kế hoạch		
II	Tim kiếm & Báo cáo		
1	Tim kiếm		
2	Tim kiếm nội dung web.		
3	Báo cáo		
4	Xử lý phân tích số liệu trực tuyến (OLAP)		
F	Hạ tầng kỹ thuật và cơ sở vật chất		
1	Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng mạng cho các cơ quan Đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị-xã hội và các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn Tỉnh, đảm bảo kết nối thông suốt tại tất cả các đơn vị trên toàn tỉnh	Sở TT&TT, các cơ quan, đơn vị	Từ năm 2018
2	Nâng cấp, hoàn thiện Trung tâm dữ liệu của tỉnh đảm bảo chuẩn Tier 3	Sở TT&TT	Từ năm 2018
3	Xây dựng TTDL dự phòng của Tỉnh	Sở TT&TT	Từ năm 2018
4	Xây dựng Trung tâm hỗ trợ dịch vụ (Call Center) của tỉnh	Văn phòng UBND tỉnh	Từ năm 2018
5	Xây dựng các hệ thống hỗ trợ truy nhập của người dân vào hệ thống dịch vụ của cơ quan chính quyền	Sở TT&TT	Từ năm 2018

IV. GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI

1. Giải pháp về tài chính

a) Tăng cường chính sách ưu tiên đầu tư, hỗ trợ cho ứng dụng và phát triển CNTT tại các cơ quan trong hệ thống chính trị. Quan tâm đầu tư kinh phí cho việc hoàn thiện hệ thống pháp lý, chuẩn hoá thông tin, chuẩn hoá các chỉ số báo cáo, thống kê, các chế độ đảm bảo dữ liệu đầy đủ và chính xác phục vụ các hoạt động ứng dụng và phát triển CNTT. Tập trung đầu tư cho một số dự án trọng điểm có tính đột phá và tạo nền móng cho hạ tầng kỹ thuật, ứng dụng và phát triển CNTT.

b) Ngân sách tỉnh là chủ yếu, ngoài ra cần huy động, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện kế hoạch; khuyến khích các doanh nghiệp viên thông trong tỉnh đầu tư phát triển hạ tầng, dịch vụ CNTT..

c) Thực hiện đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đảm bảo khả thi về nguồn lực triển khai; ưu tiên tập trung đầu tư các chương trình, dự án quan trọng, cấp thiết phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh;

2. Về tổ chức triển khai

a) Việc tổ chức thực hiện triển khai Kiến trúc CQĐT được thực hiện đồng bộ từ tỉnh tới các ngành, các địa phương. Xây dựng một quyết tâm chính trị cao trong hệ thống chính trị, thể chế hoá quyết tâm đó bằng các hành động cụ thể; coi công nghệ thông tin là lĩnh vực ưu tiên của tỉnh. Các cán bộ, công chức, viên chức, nhất là cán bộ lãnh đạo cần gương mẫu, đi đầu trong việc ứng dụng CNTT, vào cuộc quyết liệt thi ứng dụng CNTT mới thành công, mới có Chính quyền điện tử.

b) Tỉnh, ngành, địa phương đưa mục tiêu, nhiệm vụ CNTT là nội dung quan trọng trong các chương trình, kế hoạch phát triển KTXH...

c) Tăng cường công tác chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh trong việc triển khai Kiến trúc CQĐT của tỉnh.

d) Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, địa phương trong triển khai Kiến trúc CQĐT tỉnh.

3. Nguồn nhân lực

a) Hình thành đội ngũ lãnh đạo CNTT; bổ sung, kiện toàn, nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT tại các cơ quan, đơn vị.

b) Bố trí biên chế để có hệ thống CQĐT đủ mạnh và đội ngũ vận hành CQĐT; có chế độ đãi ngộ, thu hút nhân tài đối với đội ngũ cán bộ CNTT làm việc tại các cơ quan trong hệ thống chính trị của tỉnh.

c) Đào tạo, nâng cao trình độ cán bộ, công chức về CNTT. Tăng cường liên kết hợp tác nội ngoại tỉnh trong đào tạo CNTT, đặc biệt chú trọng đến việc đào tạo đội ngũ kỹ sư chuyên gia về CNTT.

d) Xây dựng và ban hành các cơ chế, chính sách về biên chế, thu hút, chế độ đãi ngộ đối với cán bộ CNTT, đội ngũ giám sát, cảnh báo, ứng cứu sự cố, phòng chống tấn công, đảm bảo an toàn mạng của tỉnh.

4. Cơ chế chính sách

a) Tăng cường Hợp tác quốc tế và liên doanh liên kết, hợp tác công tư, thuê dịch vụ để phát triển CNTT.

b) Xây dựng các cơ chế chính sách thu hút, khuyến khích tạo điều kiện, ưu đãi cho các doanh nghiệp tham gia đầu tư, triển khai xây dựng CQĐT trên địa bàn tỉnh.

c) Xây dựng các quy chế, qui định liên quan đến bảo đảm an toàn an ninh thông tin, Quy trình giải quyết, xử lý các thủ tục hành chính liên thông điện tử giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh tạo cơ sở pháp lý cho việc triển khai các hệ thống thông tin liên thông các cấp trên địa bàn tỉnh.

d) Tăng cường công tác đánh giá chỉ số ứng dụng CNTT xây dựng CQĐT, đưa chỉ số này thành một trong các tiêu chí để xét duyệt thi đua, khen thưởng các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

đ) Tăng cường công tác quản lý nhà nước về CNTT, tham mưu, đề xuất, hướng dẫn, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện triển khai CQĐT theo đúng Kiến trúc và lộ trình thực hiện.

V. TÓ CHỨC THỰC HIỆN

1. Nâng cao nhận thức và vai trò, trách nhiệm của lãnh đạo cơ quan, đơn vị, địa phương đối với ứng dụng và phát triển CNTT xây dựng CQĐT

a) Các cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên tuyên truyền, quán triệt về vị trí, vai trò và những kết quả việc ứng dụng CNTT gắn với mục tiêu, nhiệm vụ phát triển CNTT trong Kiến trúc CQĐT tỉnh Vĩnh Phúc.

b) Người đứng đầu các cơ quan Nhà nước các cấp, các ngành; các doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, ứng dụng phát triển CNTT nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả hoạt động của ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao phụ trách.

c) Ứng dụng CNTT tuân thủ Kiến trúc CQĐT tỉnh là nội dung bắt buộc trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển của mỗi ngành, mỗi lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị.

d) Khi thiết kế, xây dựng các công trình hạ tầng, khu đô thị, nhà làm việc của các cơ quan, đơn vị phải có nội dung thiết kế hạ tầng viễn thông, CNTT theo quy định của Nhà nước và tuân thủ Kiến trúc CQĐT tỉnh.

2. Tuyên truyền, phổ biến nội dung Kiến trúc CQĐT trong nhân dân

- Các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện việc đăng tải nội dung Kiến trúc CQĐT tỉnh trên các trang thông tin điện tử, các phương tiện thông tin đại chúng để tuyên truyền rộng rãi tới toàn thể cán bộ và nhân dân trên địa bàn tỉnh về định hướng, quan điểm, mục tiêu phát triển Chính quyền điện tử của tỉnh nhằm nâng cao nhận thức về đường lối, chủ trương, quan điểm của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước trong xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử tỉnh; xác định xây dựng Chính quyền điện tử là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và nhân dân, phục vụ mục tiêu xây dựng Chính quyền phục vụ nhân dân.

- Các cơ quan thông tin đại chúng (Báo Vĩnh Phúc, Đài phát thanh và truyền hình, Công thông tin điện tử, đài phát thanh huyện/thành phố) tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và kiến thức về CNTT trong xã hội. Xây dựng và nhân rộng điển hình tiên tiến trong ứng dụng, phát triển CNTT tuân thủ các định hướng, nguyên tắc tại Kiến trúc CQĐT tỉnh.

3. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp từng bước hoàn thiện hạ tầng CNTT tại các cơ quan, đơn vị, địa phương và trung tâm Hạ tầng thông tin tỉnh theo

Công thông tin điện tử, phần mềm một cửa điện tử, phần mềm dịch vụ công trực tuyến.

c) Đẩy mạnh triển khai hình thức thuê doanh nghiệp CNTT thực hiện dịch vụ cho thuê từng phần hoặc thuê trọn gói, bao gồm: phần cứng, phần mềm, đường truyền, giải pháp...

d) Tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ về CNTT và việc thuê dịch vụ CNTT; tăng cường năng lực cán bộ làm công tác an toàn, an ninh thông tin trong các cơ quan nhà nước.

đ) Tập trung chỉ đạo đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính. Rà soát, đơn giản hóa, bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết, tạo thuận lợi và giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp, người dân, nhất là thủ tục hành chính có liên quan đến các chỉ số xếp hạng Chính phủ điện tử.

e) Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện và có các hình thức khen thưởng kịp thời các đơn vị làm tốt; có các biện pháp, chế tài đối với các đơn vị chưa hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

g) Hàng năm, căn cứ nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này các cơ quan, đơn vị địa phương đăng ký chỉ tiêu, nhiệm vụ với UBND tỉnh; phối hợp Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở TT&TT xem xét, đề xuất bố trí kinh phí, nguồn lực thực hiện nhiệm vụ.

h) Căn cứ nội dung Kế hoạch, chủ động tổ chức triển khai thực hiện các dự án đã được duyệt theo quy định; phối hợp với Sở TT&TT trong quá trình triển khai thực hiện.

i) Định kỳ 01 năm hoặc đột xuất báo cáo kết quả việc triển khai thực hiện kế hoạch về Sở TT&TT để tập hợp báo cáo UBND tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch triển khai Kiến trúc CQĐT tỉnh Vĩnh Phúc phiên bản 1.0, giai đoạn 2018-2020. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ kế hoạch triển khai thực hiện. /*X*

Nơi nhận:

- TT.TU, HĐND tỉnh (B/c);
- Ban chỉ đạo CNTT Quốc gia (B/c);
- Bộ TT&TT (B/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể;
- HU, UBND các huyện, TP;
- Thành viên BCD CNTT tỉnh;
- Lưu: VT, VX3 (H- *68* b)

Roy

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Trì